

CÔNG BÁO/Số 08/ Ngày 01/04/2014

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 286/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 21 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án:

**Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung
thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng,
giai đoạn 2014 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/2.000**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 2 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2013 của UBND huyện Hòa An về việc trình phê duyệt đồ án: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/2.000; Báo cáo số 71/SXD-KTQH ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định công tác khảo sát đo đạc lập bản đồ địa hình, tỷ lệ 1/2.000; Báo cáo số 101/BC-STNMT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra chất lượng công tác khảo sát địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Cao Bằng tại Báo cáo số 1648/BCTĐ-SXD ngày 24 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án:

Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/2.000.

2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

Vị trí giới hạn khu đất: Được xác định trong phạm vi hành chính thị trấn Nước Hai huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Có giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp: Bờ suối và đất nông nghiệp xã Bế Triều.
- Phía Tây giáp: Xã Đức Long và bờ suối sông Bằng Giang.
- Phía Nam giáp: Đất nông nghiệp, cầu Bản Sậy và đất nông nghiệp xã Bế Triều;
- Phía Bắc giáp: Cầu Nà Coóc, xã Đức Long và đất nông nghiệp thuộc xã Đức Long;

3. Mục tiêu của đồ án quy hoạch:

- Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Nước Hai, nhằm xây dựng thị trấn trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, thương mại - du lịch - dịch vụ của toàn huyện, đến năm 2030 trở thành đô thị loại IV, với không gian kiến trúc đậm đà bản sắc dân tộc, phù hợp với điều kiện môi trường cảnh quan, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện, hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển của đô thị theo từng giai đoạn.

- Điều chỉnh, mở rộng một số khu chức năng của thị trấn và vùng lân cận nhằm xác định chiến lược phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật; bổ sung các khu chức năng chưa được đề cập trong quy hoạch trước đây, để xây dựng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện cũng như của tỉnh.

- Cải tạo, chỉnh trang đô thị cũ, theo hướng hài hòa giữa sự mở rộng đô thị với phát triển kinh tế, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch dịch vụ thương mại, đồng thời, hài hòa với việc bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo an ninh quốc phòng để đô thị phát triển bền vững.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng đô thị, lập đồ án quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng các khu chức năng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

4. Tính chất, chức năng của đô thị:

- Là trung tâm hành chính chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, thương mại - du lịch - dịch vụ của toàn huyện Hòa An. Có vị trí an ninh quốc phòng quan trọng.

- Đến năm 2030 trở thành đô thị loại IV.

5. Quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển:

- Quy mô dân số:

+ Dự báo đến năm 2020, tổng số dân dự kiến khoảng 6.502 người.

+ Dự báo đến năm 2030, tổng số dân dự kiến khoảng 6.902 người.

- Quy mô đất đai: 254,5 ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng	QH năm 2020	QH năm 2030
I	<u>Dân số</u>				
1.1	Dân số đô thị	người			6.902
			6.235	6.502	
1.2	Tỷ lệ tăng dân số đô thị TB	%			0,6
	<i>Trong đó :</i>				
	<i>Tỷ lệ tăng tự nhiên</i>	%			0,3
	<i>Tỷ lệ tăng tự nhiên</i>	%			0,3
II	<u>Đất xây dựng đô thị</u>	m²/người	154.25	260,00	269,50
2.1	Đất dân dụng	m ² /người	98,083	162,00	162,00
	- Đất các đơn vị ở	m ² /người	80.56	80-90	80-90
	- Đất CTCC đô thị	m ² /người	0.776	10-12	10-12
	- Đất cây xanh đô thị	m ² /người	0	8-10	8-12
	- Đất giao thông	m ² /người			50-55
			16.74	50-55	

2.2	Đất ngoài dân dụng	ha	35,01	70,22	74,24
	Bình quân đầu người	m ² /người	56,16	108	108
III	<u>Ha tầng kỹ thuật đô thị</u>				
3.1	Mật độ đường phố chính và khu vực	km/km ²	1,50	3÷4	3÷4
3.2	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XD ĐT	5,00	15÷25	15÷25
3.3	Mật độ cống thoát nước	m/ha	100,00	300,00	500,00
3.4	Cấp nước				
	- Nước sinh hoạt	l/ng/ngày	100,00	120,00	150,00
	- Nước công nghiệp	m ³ /ha	-	40,00	40,00
3.4	VSMT (rác thải)	kg/ng/ngày	-	1,00	1,20
3.5	- Cấp điện sinh hoạt	Kwh/ng/năm	200,00	400,00	1.000,00
	- Điện công nghiệp	Kw/ha	-	140,00	140,00

7. Định hướng tổ chức không gian đô thị, vị trí, quy mô các khu chức năng chính:

a. Về định hướng tổ chức không gian và thiết kế đô thị:

Kế thừa quy hoạch phê duyệt năm 2001 đồng thời điều chỉnh mở rộng và phát triển phù hợp với từng giai đoạn phát triển đô thị. Đảm bảo sự gắn kết hài hòa đồng bộ giữa cải tạo đô thị cũ và phát triển đô thị mới tránh xáo trộn lớn về hình ảnh đô thị, phong tục tập quán và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

b. Về phân khu chức năng, vị trí, quy mô các khu chức năng chính:

- Khu trung tâm hành chính, chính trị: Được kế thừa và phát triển từ đồ án quy hoạch trước, chú trọng cải tạo, chỉnh trang khu vực này bằng các giải pháp như bố trí thêm không gian xanh, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Một số cơ quan không đủ diện tích sẽ được chuyển tới vị trí mới theo quy hoạch.

- Khu thương mại - dịch vụ gồm hai khu vực chính: Chợ trung tâm và siêu thị tại vị trí cũ theo hiện trạng; bổ sung khu thương mại - dịch vụ tại phía Tây thị trấn gồm các dịch vụ siêu thị, nhà hàng, khách sạn, văn phòng cho thuê đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV, tạo điểm nhấn cho cửa ngõ phía Tây của đô thị.

- Khu văn hóa thể thao: Bố trí tại phía Bắc của thị trấn, quy hoạch thêm quỹ đất mới dành cho các công trình văn hóa, thể thao, khu vực hiện hữu đối diện UBND huyện quy hoạch thêm quỹ đất cây xanh kết hợp cùng với sân các công trình phục vụ thể thao đã được xây dựng tạo nên một không gian mở tại khu vực này.

- Các cơ sở đào tạo, trường học: Cơ bản giữ nguyên vị trí công trình đã có, bổ sung thêm trung tâm dạy nghề bố trí sau khu đồi Phia Ma, Trung tâm giáo dục thường xuyên đã xây dựng, nhưng do nhu cầu mở rộng nên chuyển lên phía Đông Bắc sát đường tránh 203.

- Khu công viên cây xanh, cảnh quan: Hiện nay tỷ lệ đất cây xanh, cảnh quan trong đô thị còn ít, chủ yếu là cây xanh trong các công trình trụ sở cơ quan và trên vỉa hè một số tuyến đường, do đó chưa đảm bảo theo quy định. Đồ án đã bố trí thêm các khu cây xanh kết hợp với mặt nước tạo nên bộ mặt đô thị xanh, gần gũi thiên nhiên.

- Các đơn vị ở: Tôn trọng các khu dân cư hiện trạng, tập trung cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, như mở rộng, xây dựng mới một số tuyến đường trong khu dân cư, hệ thống cấp thoát nước, xây dựng một số khu ở mới để đảm bảo nhu cầu phát triển trong tương lai và khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng.

- Đất nông nghiệp: Các khu đất nông nghiệp tại khu vực phía Đông Bắc và phía Đông Nam trước mắt vẫn dành cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâu dài là quỹ đất phát triển đô thị.

- Đất dự trữ phát triển: Quy hoạch tuyến đường tránh về phía Bắc thị trấn Với định hướng lâu dài khi thị trấn trở thành thị xã, dự kiến sẽ chia làm 4 phường, khi đó nhu cầu về quỹ đất để xây dựng các công trình trụ sở cơ quan hành chính, các công trình công cộng, y tế, là rất lớn, hơn nữa khi quy hoạch được triển khai sẽ thu hút rất nhiều các nhà đầu tư, đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ, thương mại, do đó quy hoạch sẽ dành một phần đất để dự trữ phát triển phục vụ các nhu cầu nêu trên. Phần đất này là đất nông nghiệp, gần khe tự thủy, trước mắt khi chưa sử dụng đến thì quỹ đất này vẫn được tiếp tục canh tác để tạo ra sản phẩm nông nghiệp, tương lai sẽ được sử dụng khi có nhu cầu thực tế theo từng giai đoạn phát triển của đô thị.

8. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

ST T	Loại đất	Ký hiệu	Quy hoạch		
			Diện tích (m ²)	Cơ cấu (%)	Bình quân m ² /ng
I	Đất xây dựng đô thị		1.859.748	73.07	269.45
A	Đất dân dụng		1.117.389	43.91	161.89
1	Đất ở		609.242	23,94	88.27
2	Đất công cộng	CC	72.135	2,83	10.45
3	Đất cây xanh cảnh quan	CX	59.484	2,34	8.62
4	Đất giao thông		376.528	14,79	54.55
B	Đất ngoài dân dụng		742.359	29.17	107.56
1	Đất trường học	TH	157.163	6,18	
2	Đất dịch vụ thương mại	TM	45.094	1,77	
3	Đất cơ quan	CQ	90.050	3,54	
4	Đất y tế	YT	20.129	0,79	
5	Đất cây xanh TĐTT	TD	81.766	3,21	
6	Đất nghĩa trang	NT	87.318	3,43	

7	Đất kho tàng công nghiệp	CN	24.597	0,97	
8	Đất dự trù phát triển	DT	208.750	8,20	
9	Đất an ninh quốc phòng	QS	27.492	1,08	
II	Đất khác		685.252	26,93	
1	Đất du lịch sinh thái	DL	157.932	6,21	
2	Đất trồng cây lâu năm	LN	70.227	2,76	
3	Đất trồng màu	HM	124.750	4,90	
4	Đất trồng lúa	L	310.237	12,19	
5	Đất mặt nước		22.106	0,87	
6	Đất chưa sử dụng		0	0,00	
	Tổng cộng đất thị trấn:		2.545.000	100,00	

9. Quy hoạch mạng lưới chính của hạ tầng kỹ thuật đô thị:

9.1. Quy hoạch giao thông:

Trên cơ sở mạng lưới giao thông hiện trạng và theo đồ án quy hoạch năm 2001 của khu vực thị trấn Nước Hai, giữ nguyên các tuyến đường chính và các tuyến nhánh và mở rộng điều chỉnh thêm một số tuyến đường cho phù hợp hơn với nhu cầu phát triển, nâng cấp đô thị cụ thể:

a. Định hướng phát triển giao thông đối ngoại: Gồm 3 trục chính:

- Tuyến đường tránh tỉnh lộ 203 phía Đông Bắc thị trấn theo quy hoạch xây dựng đường rộng 26m, mặt cắt 3 - 3, trong đó lòng đường 17m hè đường 2x4,5m.

- Tuyến đường tỉnh lộ 203 đường rộng 14m, mặt cắt 2 - 2, trong đó lòng đường 8m hè đường 2x3m.

- Tuyến đường từ tỉnh lộ 203 sang Hồng Việt mặt cắt đường 4 - 4 lòng đường rộng 15m, vỉa hè 2x3m.

b. Định hướng phát triển hệ thống giao thông đô thị: Gồm 5 trục chính:

+ Trục đường từ khu cầu treo đi Hồng Việt, kết nối với trục đường tránh 203, mặt cắt đường 5 - 5 rộng 13,5m trong đó: Lòng đường 7,5m, vỉa hè 2x3m.

+ Trục đường từ cây xăng qua khu vực trường học: Mầm non, trường tiểu học và trường trung cấp Nông Lâm kết nối với trục đường tránh 203 mới, mặt cắt đường 1 - 1 rộng 21m trong đó: Lòng đường 12m, vỉa hè 2x4,5m.

+ Trục đường từ khu dân cư xóm Bản Vạn 1, Bản Vạn 2 kết nối với trục đường sang khu trung tâm văn hóa mới, mặt cắt đường 4 - 4 rộng 21m trong đó: Lòng đường 15m, vỉa hè 2x3m.

+ Trục kết nối 2 trục đường đối ngoại qua khu trung tâm văn hóa sang cầu Bình Long, mặt cắt đường 4 - 4 rộng 21m trong đó: Lòng đường 15m, vỉa hè 2x3m.

+ Trục đường từ khu vực chợ đến huyện đội sang đường tránh 203. Mặt cắt đường 5 - 5 rộng 13,5m trong đó: Lòng đường 7,5m, vỉa hè 2x3m.

- Bổ sung các bãi, bến đỗ xe mới, đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV.

9.2. Quy hoạch san nền thoát nước:

a. San nền:

+ Thiết kế san nền được thực hiện theo phương pháp đường đồng mức thiết kế với chênh cao giữa 2 đường đồng mức liền kề là 0,2m và độ dốc san nền trong lô đất $i \geq 0,004$. Khu vực nghiên cứu được thiết kế lưu vực về sông Bằng Giang phía Tây Bắc đô thị, san nền theo hướng dốc Thoải từ phía Bắc xuống phía Nam của thị trấn. Cốt nền cao hơn cốt ngập lụt hàng năm (191,59) là $>0.5m$.

+ Khu vực đào: Chủ yếu là phía Tây Bắc của đô thị gần khu nghĩa trang.

+ Khu vực đắp: Chủ yếu rải rác từ phía Tây Bắc sang Tây Nam của đô thị với tổng khối lượng: 553102m³

b. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

+ Hệ thống thoát nước mưa của Đồ án được thiết kế đảm bảo thoát nước triệt để trong khu vực trên nguyên tắc tự chảy.

+ Phân thành bốn lưu vực:

Lưu vực 1: Từ ranh giới đường tránh 26m (tại khu Bản Vạn đến đường tỉnh lộ 203 hết bãi bồi khu Hoàng Lừa xóm Bản Vạn 1 xã Bế Triều).

Lưu vực 2: Từ ranh giới đường tránh 26m (sau khu đồi Phia Ma) xuống đường tỉnh lộ 203 sát bờ sông Bằng Giang.

Lưu vực 3: Từ ranh giới đường tránh 26m (sau khu trường trung cấp Nông Lâm) xuống đường tỉnh lộ 203 sát bờ sông Bằng Giang).

Lưu vực 4: Từ ranh giới đường tránh 26m (trước khu nghĩa trang nhân dân) xuống đường tỉnh lộ 203 sát bờ sông Bằng Giang).

+ Các khe tự thủy:

Khe từ Khau Gạm vẫn giữ nguyên hướng dòng chảy theo địa hình hiện trạng vì nơi khe tự thủy đi qua không có nhiều các đường chia cắt giao thông.

Khe từ Bằng Hà cơ bản vẫn giữ nguyên hướng dòng chảy, tận dụng để xây dựng hồ nước làm công viên cây xanh. Khe chảy qua các khu vực đất dự trữ phát triển (hiện trạng là trồng lúa) nên trước mắt khe tự thủy vẫn có thể cung cấp để nhân dân tiếp tục canh tác. Đồng thời giữ được cảnh quan tự nhiên của khu vực.

Khe từ Đại Tiến sẽ được nắn dòng chảy sang phía Đông để nhập vào suối Đại Tiến chảy về sông Bằng Giang, do đến mùa mưa lưu lượng nước khu vực là rất lớn gây ngập úng cục bộ, nên đi lại rất khó khăn. Hơn nữa theo quy hoạch hầu hết các khu vực khe tự thủy đi qua là đất ở, trường học, cơ quan ... không có diện tích canh tác nên việc nắn dòng là cần thiết đảm bảo đô thị phát triển hài

hòa bền vững.

+ Các tuyến cống trong khu vực nghiên cứu sử dụng cống hộp bê tông cốt thép có khẩu độ 400x600; 600x800; 800x1000; 800x1200. Các tuyến cống được đặt ở hè đường, trên mạng lưới bố trí các giếng thăm tại các nút giao nhau.

+ Trên mạng lưới thoát nước bố trí các ga thăm phục vụ kiểm tra, sửa chữa trong quá trình vận hành, quản lý.

9.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước:

Sử dụng nguồn nước mặt từ sông Bằng Giang, xây dựng công trình nước thô và trạm xử lý tại khu Dã Hương, kết hợp với nguồn nước ngầm hiện có G1 và G2. Nguồn nước ngầm bơm từ các giếng khoan vào trạm xử lý, sau khi xử lý nước được bơm lên bể chứa trên đồi Phia Ma, cốt 231,09m, dung tích bể 120m³, công suất 720m³/ngđ đã xây dựng. Hiện đang có dự án được triển khai sử dụng nguồn nước mặt sông Bằng Giang bể có dung tích 200m³, công suất 720m³/ngđ tự chảy xuống mạng đường ống cấp nước cho thị trấn. Với tổng số công suất cả 2 trạm cấp nước hiện nay là 1.440m³/ngđ và tính đến năm 2030 thì phải nâng công suất của trạm tại khu Dã Hương lên thêm 200m³/ngđ.

- Mạng lưới đường ống:

Đầu nối với hệ thống cấp nước hiện trạng, bổ sung thêm một đường ống cấp nước mới tại trạm cấp nước khu Dã Hương để đảm bảo áp lực cấp nước đến điểm bất lợi nhất. Thiết kế theo mạng vòng, khép kín và một số ống nhánh với tổng chiều dài 8,181 km, đường kính ống D280 mm – D50 mm, để thuận tiện và đảm bảo an toàn cho việc cấp nước (toàn bộ đường ống cấp nước đều đi trong hào kỹ thuật).

- Chữa cháy:

Bố trí các trụ cứu hỏa được cấp nước từ đường ống D280 và D110 đảm bảo chữa cháy trong địa bàn thị trấn.

9.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện:

Nguồn điện lấy từ đường dây 35kV đi nổi, tiết diện 120mm² được kéo từ trạm 110kV trạm Khau Hân cách khu vực nghiên cứu khoảng 17km về phía Tây.

- Lưới 35kV:

+ Dỡ bỏ các tuyến dây 35kV không hợp lý (đi qua các công trình xây dựng, qua sông suối, ao hồ...) tổng chiều dài là 5km.

+ Xây dựng các tuyến 35kV mới đi ngầm dưới vỉa hè các tuyến phố

chính, được bảo vệ bằng các ống nhựa kỹ thuật.

+ Tuyến chính chạy dọc đường tỉnh lộ 203 cung cấp cho tất cả các trạm của thị trấn có tổng chiều dài là 5km.

- Lưới hạ áp 0,4kv:

+ Xây dựng lưới điện hạ áp dùng cáp đi chìm dưới vỉa hè, được bảo vệ bằng ống kỹ thuật chuyên dụng.

+ Đường trục chính dùng cáp XLPE 4x 95 mm² trở lên.

+ Đường nhánh XLPE 4x70 mm² trở xuống.

Bán kính phục vụ mạng lưới hạ thế đảm bảo ≤ 300m, kết cấu lưới 0,4 chủ yếu theo mạng hình tia.

- Lưới chiếu sáng:

+ Lưới chiếu sáng của thị trấn Nước Hai được bố trí đi chìm.

+ Hình thức chiếu sáng dùng đèn thủy ngân cao áp 125W- 250W để tiết kiệm điện có thể dùng đèn Led.

+ Các tuyến đường bố trí chiếu sáng đi nổi dùng cáp XLPE(4x25), các tuyến đường được chiếu sáng đảm bảo độ chói 0,4cd/m.

+ Các khu công viên, bồn hoa của thị trấn có thể chiếu sáng bằng đèn natri và đèn chùm.

- Trạm lưới 35/0,4 KV:

Để đảm bảo cung cấp điện cho thị trấn tiến hành cải tạo và nâng công suất toàn bộ các trạm 35/0,4KV hiện có. Tổng công suất 2600 KVA 08 trạm biến áp 35/0,4 KV:

+ Trạm trong Huyện Ủy công suất 250 KVA.

+ Trạm ở khu vực Bệnh Viện đa khoa công suất 250 KVA.

+ Trạm tại khu Bằng Hà công suất 250 KVA.

+ Trạm thị trấn Nước Hai công suất 400 KVA.

+ Trạm Nước Hai 3 công suất 250 KVA.

+ Trạm Nước Hai 2, công suất 250 KVA.

+ Trạm Lương thực 2, công suất 250 KVA.

+ Trạm Bản Vạn, công suất 250 KVA.

Xây mới 1 trạm Nước Hai 4 công suất 300 KVA.

9.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước sinh hoạt dự kiến là hệ thống thoát nước hỗn hợp

riêng và nửa riêng, có xử lý nước thải sơ bộ tại nguồn phát sinh. Nước thải từ các hộ dân phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thoát nước thải ra hệ thống thoát nước sinh hoạt.

+ Hướng thoát nước: Thiết kế lưu vực về sông thoải từ phía Bắc xuống phía Nam đô thị phù hợp với quy hoạch san nền và địa hình của thị trấn và hướng thoát nước thải về trạm xử lý.

+ Khu xử lý nước thải: Khu xử lý nước thải sinh hoạt tại khu Khu Hoàng Lừa, thuộc xóm Bản Vạn 1, xã Bế Triều đảm bảo vệ sinh môi trường với công suất 1000 m³/ngđ.

+ Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thoát ra hệ thống thoát nước.

- Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

Tuyên truyền và hướng dẫn người dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Chất thải rắn được tập trung, thu gom đưa về khu xử lý tại xóm Đả Lạn, xã Bế Triều, cách trung tâm thị trấn 6km để xử lý.

- Quy hoạch nghĩa trang:

Tất cả các khu mộ chôn rải rác được đưa về khu nghĩa trang, Khu nghĩa trang được bố trí tại đồi Khau Gạm, xã Đức Long, phía Tây Bắc, cách trung tâm thị trấn khoảng 2 km.

9.6. Đánh giá tác động môi trường: Như nội dung đề án quy hoạch đã lập.

10. Tổng dự toán quy hoạch:

a. Chi phí lập đề án quy hoạch:

Tổng số:	600,0 triệu đồng
Trong đó:	
- Chi phí lập nhiệm vụ QH:	31,0 triệu đồng
- Chi phí lập đề án QH:	497,0 triệu đồng
- Chi phí thẩm định đề án QH:	26,0 triệu đồng
- Chi phí quản lý lập đề án QH:	23,0 triệu đồng
- Chi phí tổ chức công bố QH:	22,0 triệu đồng

b. Giá trị khảo sát địa hình:

- Lập lại dự toán khảo sát địa hình với khối lượng khảo sát xác định theo Quyết định số 04/2005/QĐ-BXD ngày 10 tháng 1 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành TCXDVN 309 : 2004 “Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung”, cụ thể như sau: Mật độ điểm khống chế gồm các điểm tam giác hạng IV, đường chuyền cấp 1, cấp 2 để đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000 ÷ 1/2000 ít nhất là 4 điểm/km², trung bình từ 8 điểm ÷ 12 điểm/1 km².

Yêu cầu đo vẽ đúng tỉ lệ quy hoạch là 1/2.000 và tận dụng hồ sơ khảo sát đã có (trường hợp không tận dụng phải có báo cáo nguyên nhân cụ thể),...

- Giá trị dự toán chi phí lập quy hoạch, chi phí khảo sát địa hình là cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo. Khi thanh quyết toán chủ đầu tư phải căn cứ theo khối lượng thực hiện thực tế, cấp địa hình để nghiệm thu thanh toán; ngoài ra, đối với hồ sơ khảo sát địa hình còn phải thực hiện theo đúng Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ Xây dựng quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng.

c. Tổng dự toán quy hoạch:

Chủ đầu tư, cơ quan thẩm định, nhà thầu tư vấn quy hoạch có trách nhiệm thực hiện việc lập, thẩm định tổng dự toán quy hoạch theo đúng quy định tại Điều 27 quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (ban hành kèm theo Quyết định số 2288/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân huyện Hòa An có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn chỉnh tổng dự toán quy hoạch, trình thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định, tổ chức thực hiện công bố, công khai đồ án quy hoạch nêu trên; lập dự án và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa theo đúng quy định hiện hành. Thường xuyên tổ chức kiểm tra và có biện pháp hữu hiệu, xử lý cương quyết các vi phạm về quy hoạch, đất đai; thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư thành phần theo đúng quy hoạch được phê duyệt;

Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch nêu trên theo đúng quy định hiện hành;

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan bố trí vốn thực hiện công bố, công khai đồ án quy hoạch nêu trên và cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòa An, thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

CÔNG BÁO/Số 08/ Ngày 01/04/2014

Đàm Văn Eng